TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

2. Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1979; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số nhà 114 đường T, phường T, thành phố N; Địa chỉ cư trú: Số nhà 37/153 đường V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số nhà 114 đường T, phường T, thành phố N; Địa chỉ cư trú: Số nhà 37/153 đường V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị C có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 15-5-2023, bản tự khai ngày 23-5-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đỗ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 11-01-1999. Khi đăng ký kết hôn anh H khai tên là Nguyễn Xuân H nên cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn đã ghi mục tên chồng là Nguyễn Xuân H. Tuy nhiên tên thật của anh H là Nguyễn Văn H. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra va chạm. Anh H nhiều lần đánh đập chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 27-4-2008. Cháu Hà đã trưởng thành, lao động tự lập được nên chị không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Văn P chị tôn trọng nguyện vọng của con tuy nhiên chị cũng có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu vì anh H thường xuyên đi nước ngoài, mới trở về nước từ ngày 21-4-2023 đến nay. Mặt khác, anh H có nói chuyện với chị là sẽ tiếp tục đi nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 08-6-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị C trình bày. Anh khẳng định khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị C thì anh khai họ tên là Nguyễn Xuân H nên cán bộ tư pháp đã ghi Nguyễn Xuân H này vào mục tên chồng trên giấy chứng nhận kết hôn. Anh khẳng định tên thật của anh là Nguyễn Văn H chứ không phải là Nguyễn Xuân H.

Sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống tuy nhiên đến tháng 3-2023 thông qua họ hàng anh được biết chị C có quan hệ tình cảm với người khác, khi về quê chị C công khai nói là muốn bỏ anh. Anh đã thuê người theo dõi phát hiện việc chị C có quan hệ tình cảm với người khác là sự thật. Chị C đã bỏ mặc con và công việc gia đình để gặp gỡ người khác. Ngày 22-4-2023 anh quyết định trở về nước để giải quyết quan hệ vợ chồng. Anh đã nói chuyện với chị C mong chị C thay đổi, sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Ngày 03-6-2023 do vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến việc giằng co điện thoại chứ anh không đánh chị C như chị C trình bày. Mặt khác khi anh không có ở nhà chị C tự ý treo biển bán nhà mà không hỏi ý kiến của anh. Anh xác định vợ chồng mâu thuẫn do lỗi của chị C tuy nhiên anh vẫn sẵn sàng tha thứ, mong chị C rút đơn để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con chung như chị C trình bày. Nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn P, sinh ngày 27-4-2008. Về cấp dưỡng nuôi con: anh yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 26-6-2023 anh Nguyên Văn Hạnh nộp đơn đề nghị trình bày anh sẽ đồng ý ly hôn nếu anh và chị C giải quyết xong các vấn đề sau: Xác định cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 2000 không phải là con của anh; Nhà đất của anh và chị C đang trong tình trạng tranh chấp, tài sản từ khi anh về nước đến nay chị C tẩu tán đi; Tình trạng sức khỏe của anh không tốt, cháu Nguyễn Văn P đang bị tật nguyền, trầm cảm. Anh đề nghị Tòa án dừng tạm thời đơn xin ly hôn của chị C.

3. Tại đơn trình bày ngày 06-6-2023 và biên bản lấy lời khai ngày 06-6-2023 cháu Nguyễn Văn P có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 29-5-2023, ngày 28-6-2023 chính quyền địa phương nơi chị C và anh H cư trú xác nhận: Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H sinh sống tại số nhà 37/153 đường V, phường C, thành phố N từ nhiều năm nay. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 27-4-2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa giải nên tổ không biết được nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị. Anh Nguyễn Văn H có lịch sử đi nước ngoài thường xuyên. Anh H mới về nước từ tháng 4 năm 2023; tuy nhiên việc anh H có tiếp tục đi nước ngoài nữa hay không thì chính quyền địa phương không biết do anh H không có thông báo gì.

Cháu Nguyễn Văn P là con chung của chị C và anh H cư trú tại số nhà 37/153 đường V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cháu Phúc hiện đã học hết lớp 9. Cháu Phúc có tật nói ngọng, giao tiếp hạn chế nhưng đi lại, sinh hoạt bình thường nên không phải là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị anh Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Văn P, sinh ngày 27-4-2008 cho chị Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải nộp toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố N. Theo Công văn số 14129/QLXNC-P5 ngày 07-6-2023 của Cục quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 12-3-1972, đã xuất nhập cảnh 16 lần, nhập cảnh lần gần nhất ngày 21-4-2023. Như vậy tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H đang cư trú tại thành phố N nên căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

[2] Về đương sự trong vụ án: Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11-01-1999 của UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định thể hiện mục họ tên vợ là Đỗ Thị C, sinh năm 1979; mục họ tên chồng là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972. Tại bản tự khai ngày 08-6-2023 bị đơn là anh Nguyễn Văn H xác nhận khi đi đăng ký kết hôn anh khai họ tên của mình là Nguyễn Xuân H nên cán bộ tư pháp ghi vào trong giấy chứng nhận kết hôn là Nguyễn Xuân H, tên đúng của anh là Nguyễn Văn H. Căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình số 652324, Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an phường T, thành phố N thể hiện tên vợ anh Nguyễn Văn H (số định danh cá nhân 036072004140) là chị Đỗ Thị C, sinh năm 1979. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xác định họ tên của bị đơn theo căn cước công dân 036072004140 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 13-9-2017 là Nguyễn Văn H (Nguyễn Xuân H).

[3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[4] Về nội dung vụ án:

4.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 11-01-1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Theo lời trình bày của anh H vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị C có quan hệ tình cảm với người khác. Anh H đang ở nước ngoài đã phải trở về nước mục đích để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ những mâu thuẫn trên anh H và chị C lại không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị C vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn mặc dù anh H không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H (Nguyễn Xuân H) .

4.2 Về con chung: Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 27-4-2008. Cháu Hà đã trưởng thành, lao động tự lập được nên anh chị không đề nghị giải quyết. Chị C và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn P.

Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cả vợ và chồng; nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị C và anh H đều là chính đáng vì cả chị C và anh H đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên căn cứ vào Công văn số 14129/QLXNC-P5 ngày 07-6-2023 của Cục quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thì anh H đã xuất nhập cảnh 16 lần, xuất cảnh lần đầu tiên là vào ngày 19-6-2000, nhập cảnh lần gần nhất ngày 21-4-2023. Như vậy anh H thường xuyên sinh sống ở nước ngoài, chỉ mới về nước từ ngày 21-4-2023 cho đến nay. Trong thời gian anh H ở nước ngoài thì chị C luôn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc nên mặc dù cháu Phúc có nguyện vọng ở với bố tuy nhiên để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Văn P cho chị Đỗ Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị C không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

4.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về yêu cầu tạm dừng giải quyết đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H để giải quyết trước việc xác định cháu Nguyễn Thị H không phải là con của anh Nguyễn Văn H; giải quyết tranh chấp nhà đất với chị Đỗ Thị C. Hội đồng xét xử xác định đây là yêu cầu phản tố của bị đơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh H phải nộp đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung và yêu cầu xác định cha cho con trước thời điểm Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 26-6-2023 anh H mới nộp đơn đề nghị do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Văn H có thể khởi kiện bằng một vụ án khác khi có đủ các tài liệu chứng cứ theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu tạm dừng giải quyết đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H vì cháu Nguyễn Văn P đang bị tật nguyền, trầm cảm: Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và trạm y tế phường C, thành phố N xác định cháu Phúc có tật nói ngọng, giao tiếp hạn chế nhưng đi lại, sinh hoạt bình thường nên không phải là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội, không thuộc trường hợp được lập sổ theo dõi, phát thuốc khám chữa bệnh. Mặt khác theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tình trạng sức khỏe của cháu Nguyễn Văn P không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Chị Đỗ Thị C là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H (Nguyễn Xuân H).

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Văn P, giới tính: Nam, sinh ngày 27-4-2008. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị C không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Văn H vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000098 ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Chị Đỗ Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND xã T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền